PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Ôn tập cuối học kì 1 · Unit 1–8 (SGK tr. 6–39)

Tuần 17

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối



☐izza



☐opcorn



☐ite



☐ike



☐itten

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

☐itten (mèo con) ☐and (cát) ☐uiz (câu đố vui)

fo☐ (con cáo)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

kite sea rainbow popcorn

1. The ..... is yummy.
2. Is he flying a .....?
3. Let's look at the .....!
4. I can see a .....

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. kite	●	● a. mứt
2. river	●	● b. cái hộp
3. jam	●	● c. diều
4. box	●	● d. dòng sông

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Is she flying a kite? – Yes, she ☐☐☐. (A) isn't (B) is
2. What can you see? – I can ☐☐☐ a rainbow. (A) see (B) sea (C) sail
3. Từ nào bắt đầu bằng chữ j? (A) pizza (B) jelly (C) kite
4. Is there a fox? – No, there ☐☐☐. (A) isn't (B) is

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: van jam

Chưa cần viết câu.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 17

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

🍕 – **pizza** 🍿 – **popcorn** 🪁 – **kite** 🚲 – **bike** 🐱 – **kitten**

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

kitten (mèo con) **s**and (cát) **q**uiz (câu đố vui) fo**x** (con cáo)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. The **popcorn** is yummy.

2. Is he flying a **kite**?

3. Let's look at the **sea**!

4. I can see a **rainbow**.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **c** 2 – **d** 3 – **a** 4 – **b**

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **B** (is) 2. **A** (see) 3. **B** (jelly) 4. **A** (isn't)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

van jam

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án